

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 7 - 2021

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**; bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐHPT-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị **Nguyễn Thị N**– sinh năm 1989. Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Trần Đức T**– sinh năm 1987. Vắng mặt

Cùng cư trú: Thôn A, xã X, huyện C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2021, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Trần Đức T** tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, thành phố Hà Nội. Sau khi chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra xích mích từ khi sinh con đầu lòng (năm 2011) đến nay. Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị không được cải thiện nên mặc dù chị và anh T vẫn ở chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng cũng không quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Trần Diệp A, sinh ngày 16/6/2011 và Trần Đức Q, sinh ngày 13/7/2013. Trường hợp ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị không được nuôi cả hai con chung thì chị xin nuôi cháu Trần Diệp A; đồng ý để anh T được nuôi cháu Q. Hiện nay chị có Ki ốt bán quần áo, thu nhập mỗi tháng từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Trần Đức T trình bày:** Anh nhất trí với lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng anh hay xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Không khí gia đình luôn căng thẳng, mặc dù vợ chồng anh vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Vợ chồng anh cũng không còn quan hệ tình cảm. Trước đơn xin ly hôn của chị N, anh mong muốn đôi bên suy nghĩ lại để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, mặt khác anh vẫn còn yêu vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Anh cũng mong Tòa cho thêm thời gian để vợ chồng anh hàn gắn.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là Trần Diệp A, sinh ngày 16/6/2011 và Trần Đức Q, sinh ngày 13/7/2013

Nếu ly hôn, anh xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp anh không được nuôi cả hai con chung thì anh theo nguyện vọng của các con muốn ở với ai cũng được. Hiện nay anh làm nhôm kính ngoài Hà Nội, thu nhập mỗi tháng là 30.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của cháu Trần Diệp A muốn ở với mẹ là chị N. Nguyện vọng của cháu Trần Đức Q muốn ở với bố là anh T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị được nuôi cháu Diệp A sau khi ly hôn; đồng ý để anh T nuôi cháu Q. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị N được ly hôn anh T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Diệp A cho chị N; giao cháu Trần Đức Q cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện đối với anh Trần Đức T về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh Trần Đức T hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã X, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Trần Đức T: Anh T đã được tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh T thì thấy: Chị N cho rằng vợ chồng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ nhiều tháng nay. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Anh không đồng ý ly hôn, cho rằng vẫn còn yêu vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Tòa án đã kiên trì hòa giải, nhưng anh T lại không đến hòa giải, khắc phục quan hệ hôn nhân, trong khi chị N vẫn kiên

quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Trần Diệp A, sinh ngày 16/6/2011 và Trần Đức Q, sinh ngày 13/7/2013.

Xét nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Diệp A, anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, xong cũng tôn trọng nguyện vọng của các con. Cháu Diệp A có nguyện vọng ở với chị N, cháu Q có nguyện vọng ở với anh T; để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của các con chung, nên giao cháu Trần Diệp A cho chị N; giao cháu Trần Đức Q cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị N và anh T đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N, anh T cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Đức T có hai con chung là Trần Diệp A, sinh ngày 16/6/2011 và Trần Đức Q, sinh ngày 13/7/2013.

Giao cháu Trần Diệp A cho chị Nguyễn Thị N; giao cháu Trần Đức Q cho anh Trần Đức T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Chị Nguyễn Thị N, anh Trần Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N và anh T đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N, anh T cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0075082 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 28/4/2021.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Phụng Châu (Số 79/2015);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

